

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát
triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình
phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Ban
Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn
thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân thành phố về ban hành Nghị quyết quy định chính sách phát triển công
nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế
- Ngân sách Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng
nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được HĐND thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 4 ngày 17 tháng 12 năm 2021; có hiệu lực thi hành từ

ngày 27 tháng 12 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định nội dung và mức kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số 206/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và lập dự toán ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố để thực hiện chính sách. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố; Đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang, UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện, HĐND xã, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết



QUY ĐỊNH

Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND
ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định này tại Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.
2. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được lựa chọn và hỗ trợ phát triển theo quy định tại Quy định này, cụ thể gồm các sản phẩm thuộc các danh mục sau:
 - a) Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;
 - b) Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mở rộng tại Đà Nẵng theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này, được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thành phố theo từng thời kỳ.
3. Dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là dự án đầu tư thực hiện lần đầu hoặc dự án đầu tư độc lập với dự án đầu

tư đang hoạt động hoặc dự án đầu tư mở rộng đáp ứng một trong các tiêu chí sau: tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định hoặc công suất thiết kế tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế ngay trước thời điểm mở rộng.

4. Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

5. Doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, hộ kinh doanh được thành lập hoặc đăng ký thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có 100% vốn đầu tư trong nước.

6. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế được thành lập hoặc đăng ký thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.

7. Hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ bao gồm: Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử; xây dựng và quảng bá thương hiệu, áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghiệp hỗ trợ; nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ doanh nghiệp về chi phí sử dụng hạ tầng và bảo vệ môi trường; xây dựng và công bố thông tin về công nghiệp hỗ trợ hàng năm.

8. Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trong từng giai đoạn là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ chung về hoạt động xúc tiến, trợ giúp phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố trong một giai đoạn xác định (thường là 05 năm) nhằm mục tiêu phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố.

9. Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm là tập hợp các đề án, nhiệm vụ cụ thể về hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trong từng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được, nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố trong giai đoạn.

10. Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ là đề án sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Điều 4 Quy định này theo Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hàng năm.

Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Ngân sách thành phố bố trí hàng năm cho chương trình phát triển công

ngành hỗ trợ trên địa bàn thành phố theo kế hoạch và bổ sung theo thực tế phát sinh (nếu có).

2. Nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan.
3. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước.
4. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

1. Kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ địa phương bảo đảm chi cho các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm trên địa bàn thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và tổ chức thực hiện, phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 6. Điều kiện được hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ địa phương phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại Chương II của Quy định này.
2. Các điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.
3. Trong 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc trường hợp giao nộp sản phẩm không đúng hạn mà không có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 7. Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước

1. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đánh giá, xác nhận năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ gồm: Chi nghiên cứu xây dựng tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá; chi đánh giá năng lực doanh nghiệp (tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp); chi hội thảo/tọa đàm công bố kết quả đánh giá.

2. Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ 100% chi phí đánh giá và công nhận các doanh nghiệp có trình độ và quy mô đáp ứng yêu cầu quốc tế gồm: Chi nghiên cứu xây dựng tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá; chi hội thảo/tọa đàm công bố kết quả đánh giá; chi đánh giá năng lực doanh nghiệp (tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp đối với trường hợp thuê chuyên gia trong nước; trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài thì căn cứ mức kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình, đề án, nhiệm vụ của chương trình để xác định mức hỗ trợ cho một doanh nghiệp).

5. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, chương trình (gọi chung là hội chợ) kết nối công nghiệp hỗ trợ tại Đà Nẵng (với quy mô tối thiểu là 40 đơn vị tham gia) gồm: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng)); chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ; trang trí chung của hội chợ; tổ chức khai mạc, bế mạc (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); tổ chức hội thảo (thuê hội trường, thiết bị); các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 15 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

Miễn thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo quy định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để quảng bá, tuyên truyền về hội chợ trên băng rôn, phướn treo tại khu vực tổ chức và các tuyến đường trên địa bàn thành phố với số lượng tối đa không quá 150 băng rôn và 500 phướn/01 đợt hội chợ.

6. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn tham gia hội chợ triển lãm, hội nghị, chương trình (gọi chung là hội chợ) kết nối công nghiệp hỗ trợ ở trong nước (với tối thiểu 03 doanh nghiệp tham gia) gồm các khoản chi phí: Thuê gian hàng và trang trí chung của khu vực thành phố Đà Nẵng; vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày chung của thành phố; công tác phí cho cán bộ thuộc đơn vị tổ chức (tối đa không quá 03 người); chi phí thuê gian hàng riêng (nếu có) của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia (không quá 02 gian hàng/doanh nghiệp); chi phí vận chuyển sản phẩm riêng (nếu có) của doanh nghiệp tham gia (không quá 20 triệu đồng/doanh nghiệp và chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp trong nước).

Trường hợp không đủ số lượng doanh nghiệp theo quy định để tổ chức đoàn tham gia thì hỗ trợ cho doanh nghiệp tự tham gia với các khoản chi hỗ trợ thuê gian hàng riêng và vận chuyển sản phẩm riêng theo quy định tại khoản này.

7. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm kết nối công nghiệp hỗ trợ tại nước ngoài (với quy mô tối thiểu 03 doanh nghiệp tham gia) gồm: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực thành phố Đà Nẵng (bao gồm cả gian hàng nếu có); tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả; trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm,

thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch; chi vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày chung của thành phố; công tác phí cho cán bộ của đơn vị tổ chức đoàn; các khoản chi khác (nếu có); miễn phí sử dụng gian hàng chung của thành phố cho các doanh nghiệp tham gia. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

Trường hợp doanh nghiệp (tham gia theo đoàn hoặc tự tham gia riêng) có nhu cầu thuê gian hàng riêng thì hỗ trợ chi phí thuê tối đa 02 gian hàng tiêu chuẩn cho doanh nghiệp với mức hỗ trợ 100% chi phí đối với doanh nghiệp trong nước, 50% chi phí đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tham gia tối đa 02 lần/năm.

Điều 8. Xúc tiến thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; tuyên truyền, quảng bá về các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hội thảo, hội nghị xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Tối đa không quá 02 hội thảo (hội nghị) trong 01 năm đối với mỗi đơn vị tổ chức.

2. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn giao dịch, xúc tiến đầu tư tại nước ngoài (với quy mô tối thiểu 03 doanh nghiệp tham gia) gồm: 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia; tổ chức hội thảo giao thương: thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu; tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình; các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa là: 28 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 42 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 70 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

3. Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác. Mức hỗ trợ tối đa là 70 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

Điều 9. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử; xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng website thương mại điện tử cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước, bao gồm: chi phí thiết kế website; chi phí mua và duy trì tên miền (domain) trong 01 năm; chi phí thuê lưu ký (hosting) trong 01 năm. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 lần.

2. Hỗ trợ 100% chi phí đăng ký Chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ do doanh nghiệp trong nước sản xuất tại Đà

Năng. Mức hỗ trợ tối đa là 500 triệu đồng/sản phẩm.

3. Hỗ trợ 100% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ xây dựng và đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa là 35 triệu đồng/thương hiệu đăng ký ở trong nước; 70 triệu đồng/thương hiệu đăng ký ở nước ngoài nhưng tối đa không quá 05 quốc gia.

4. Hỗ trợ 70% chi phí quảng bá, giới thiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức hỗ trợ tối đa là 70 triệu đồng/doanh nghiệp trong 01 năm; mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 năm.

Điều 10. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất

1. Hỗ trợ 100% chi phí đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ gồm: Chi phí nghiên cứu xây dựng tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá; chi đánh giá năng lực doanh nghiệp (tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp); chi hội thảo/tọa đàm công bố kết quả đánh giá.

2. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp về quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất gồm: Chi xây dựng chương trình; in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

3. Hỗ trợ 100% chi phí đánh giá, công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất, cụ thể như sau:

a) Đối với doanh nghiệp có quy mô số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí (tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng): Mức hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Đối với các doanh nghiệp không thuộc doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản này: Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 11. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí nghiên cứu, đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

2. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Nội dung chi cụ thể gồm: Chi xây dựng chương trình; in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên trong nước, chuyên gia nước ngoài, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi khác: khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

3. Đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước: Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp cử cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp, quản trị sản xuất, nâng cao tay nghề ở trong nước (đối với trường hợp không tham gia các khóa đào tạo do ngân sách nhà nước hỗ trợ) và nước ngoài. Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/01 doanh nghiệp trong 01 năm.

Điều 12. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

2. Hỗ trợ 100% chi phí thuê chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ 100% chi phí hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các nội dung chi theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

4. Hỗ trợ tối đa đến 70% chi phí về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa là 500 triệu đồng/dự án.

5. Hỗ trợ tối đa đến 70% chi phí hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm. Mức hỗ trợ tối đa là 1.500 triệu đồng/dự án, mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 02 dự án.

6. Hỗ trợ tối đa đến 70% chi phí cho các dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa là 1.500 triệu đồng/dự án.

7. Hỗ trợ tối đa đến 70% chi phí xây dựng, hoàn thiện tiêu chí để đánh giá doanh nghiệp về công nghệ và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa là 500 triệu đồng/dự án.

8. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước tự đầu tư nghiên cứu phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tối đa đến 70% chi phí cho tổ chức, cá nhân đã tự đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, công nghệ thay thế công nghệ nhập khẩu hoặc công nghệ triển khai ứng dụng vào sản xuất có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế.

b) Hỗ trợ tối đa đến 70% chi phí tiếp nhận chuyển giao công nghệ độc lập gồm: mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ; mua bản quyền, sáng chế, phần mềm; thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao hoặc công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; tối đa đến 30% chi phí đối với các doanh nghiệp khác. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 dự án.

d) Tổng kinh phí hỗ trợ đối với các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản này không vượt quá 05 tỷ đồng/doanh nghiệp trong một năm.

Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước về chi phí sử dụng hạ tầng và bảo vệ môi trường

1. Hỗ trợ 50% chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải, thực hiện các hạng mục bảo vệ môi trường theo quy định tại nhà máy hoặc cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của doanh nghiệp. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp trong một năm.

2. Hỗ trợ 100% phí sử dụng hạ tầng và phí xử lý nước thải cho dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ thời điểm đưa dự án vào hoạt động.

Điều 14. Hỗ trợ xây dựng và công bố thông tin về công nghiệp hỗ trợ hàng năm

1. Hỗ trợ 100% chi phí khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong các lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo (bao gồm cả các sản phẩm cơ khí trọng điểm), công nghiệp công nghệ cao.

2. Hỗ trợ 100% chi phí nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, chi số hóa thông tin.

3. Hỗ trợ 100% chi phí mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và chính sách về công nghiệp hỗ trợ

gồm: Chi phí mua tư liệu; chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; chi phí xuất bản và phát hành và các khoản chi phí khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa không quá 05 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Hỗ trợ 100% chi phí xuất bản các ấn phẩm về công nghiệp hỗ trợ, vận hành trang thông tin điện tử về công nghiệp hỗ trợ.

5. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hội thảo gồm: Chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố trong từng giai đoạn và hàng năm để triển khai thực hiện các chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Quy định này.

2. Hướng dẫn cụ thể việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố theo quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và tham khảo Quyết định số 1403/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Chỉ đạo tổ chức công khai, tuyên truyền rộng rãi nội dung của Quy định này và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quy định này trên các phương tiện thông tin, đại chúng và đến các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Các tổ chức, cá nhân đang triển khai các thủ tục liên quan đến Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố, Nghị quyết số 206/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố và Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND thành phố ban hành Quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nếu đã tiếp nhận hồ sơ nhưng chưa giải quyết hoặc đang trong quá trình kiểm tra, thẩm định hồ sơ... thì tiếp tục xét duyệt đề hưởng hỗ trợ theo các văn bản áp dụng vào thời điểm nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ./.



Phụ lục

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ MỞ RỘNG TẠI ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND
ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao

- Các cụm linh kiện hàng không vũ trụ, thiết bị bay;
- Linh kiện, cụm linh kiện khác để sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.

2. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử

- Mô-tơ điện thoại di động, máy vi tính; cuộn cảm; mạch in;
- Linh kiện kim loại - hợp kim;
- Linh kiện, cụm linh kiện khác để sản xuất sản phẩm điện tử.

3. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành sản xuất, lắp ráp ô tô

- Động cơ và các chi tiết của động cơ điện; các chi tiết, linh kiện lắp ráp động cơ điện;
- Linh kiện, cụm linh kiện để sản xuất, lắp ráp ô tô;
- Các chi tiết, linh kiện lắp ráp trạm sạc ô tô điện;

4. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí

- Linh kiện, cụm linh kiện để sản xuất, lắp ráp du thuyền, các loại tàu, thuyền khác bằng kim loại;
- Linh kiện và phụ tùng máy, thiết bị sản xuất, lắp ráp phương tiện đường sắt, đầu máy, toa xe, phụ tùng vật tư đường sắt như: ray, phụ kiện, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thông tin tín hiệu đường sắt...
- Linh kiện và phụ tùng máy ép nhựa, cao su;
- Các sản phẩm, bán thành phẩm từ: đúc kim loại bằng khuôn mẫu chảy, khuôn - cát nhựa, khuôn kim loại và đúc dưới áp lực; rèn dập và gia công áp lực; nhiệt luyện để nâng cao chất lượng sản phẩm; hàn công nghệ cao; gia công cắt gọt kim loại và gia công vật liệu phi kim;
- Linh kiện, cụm linh kiện khác để sản xuất sản phẩm cơ khí chế tạo.

5. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ khác

- Keo dán trong ngành công nghiệp ô tô, may mặc, chế biến gỗ;
- Bao bì kim loại cung cấp cho sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; bao bì cung cấp cho ngành chế biến xuất khẩu thủy sản đông lạnh.